TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 12 năm 2024
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1993,
ĐKHKTT: thôn Nà Na, xã B, huyện V, tỉnh Q.
Hiện nay đang ở nước ngoài.
Bị đơn: Anh Trần Minh P, sinh năm 1985,
ĐKHKTT: khu 4, xã B, huyện H, tỉnh P.
(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Q và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Năm 2018 chị Q đi lao động tại nước ngoài, từ đó đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên chị Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh P.

Về con chung: chị Q xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 09/11/2012. Khi ly hôn chị Q đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Minh P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày quan điểm tại Bản tự khai đề ngày 11/11/2024; cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: việc chị Q xin ly hôn anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: anh P xác định vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 09/11/2012. Hiện cháu Đ đang được anh chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp. Anh P nhất trí với yêu cầu về con chung của chị Q. Anh đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi anh và chị Q ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Như Q ly hôn anh Trần Minh P.

Về con chung: Giao Trần Tiến Đ - Sinh ngày 09/11/2012 chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2024 của chị Q có chứng thực của Văn phòng kinh tế - văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này chị Q không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị Q và anh P đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Hạ Hòa, tỉnh P. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Từ năm 2018 đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên chị Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh P.

Tại bản tự khai anh P trình bày: về việc chị Q xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng Q và anh P đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không Đ được nên việc chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị Q được chấp nhận.

- Về con chung: hồ sơ vụ án thể hiện chị Q, anh P có 01 con chung là cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 09/11/2012. Sau khi ly hôn chị Q đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại bản tự khai anh P cũng hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện về con chung của chị Q. Trong đơn trình bày nguyện vọng của mình cháu Đ thể hiện có mong muốn được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy cả chị Q và anh P đều đồng tình với nhau về vấn đề con chung. Do vậy, cần giao cháu Đ cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi chị Q và anh P ly hôn là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như Q.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn anh Trần Minh P.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 09/11/2012 cho anh Trần Minh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Như Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Như Q (do anh Vũ Trọng Bình nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000427 ngày 08/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Trần Minh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Như Q là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống Đ hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Viết Anh